

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/HS-ST**
Ngày 16-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lương Văn Ánh;

+ Bà Mai Thị Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Võ Văn T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1983 tại xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q. Nơi cư trú: thôn T, xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; có vợ là Đỗ Thị Gián K, sinh năm 1984 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/LCĐKNCT-TA ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

- Bị hại: ông Lê Công T, sinh năm 1970 và bà Âu Thị B, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: thôn G, xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q.

Bà Âu Thị B ủy quyền cho ông Lê Công T tham gia tố tụng theo văn bản ủy

quyền ngày 09/8/2021. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Võ Văn H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. Cùng địa chỉ: thôn T, xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q. *Đều vắng mặt.*

- *Người làm chứng:* anh Nguyễn Lê P, sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn T, xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 1981-1982, ông Võ Văn H (*cha của bị cáo Võ Văn T*), ông Lê Đ (*cha của ông Lê Công T*) và ông Nguyễn T cùng rủ nhau khai hoang đất tại Hồ Lùng, thuộc thôn T, xã Quế P, huyện Quế S để trồng bắp gồm hai vị trí: phần đất phía bên kia suối, hiện đang có một số cây mít của ông H trồng, diện tích khoảng hơn 10 sào (*được gọi là vị trí A*); phần diện tích bên này suối khoảng 02 sào (*được gọi là vị trí B*). Khi trồng được một mùa bắp thì ông Đ và ông T không làm nữa, để lại cho ông H canh tác. Ông H tiếp tục canh tác và khai hoang thêm phần đất xung quanh tại Hồ Lùng. Ông H canh tác 02 phần đất này được vài năm thì không làm nữa. Khoảng năm 1986-1996, ông H cho ông Lê Công T mượn phần diện tích đất trên để chăn nuôi bò. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không nói rõ là mượn đất ở vị trí nào, diện tích bao nhiêu (*theo ông H khai: ông cho ông T mượn toàn bộ diện tích đất mà ông đã khai hoang gồm 02 vị trí trên để ông T chăn nuôi bò, không được trồng cây keo lá tràm, đến khi nào ông H cần thì lấy lại; ông T khai: ông chỉ mượn phần diện tích đất ở vị trí A và không cam kết khi nào trả lại*). Sau khi mượn đất, ông T chăn nuôi bò và thấy phần diện tích đất ở vị trí B bỏ hoang, ông T tiến hành phát dọn thực bì và canh tác thêm diện tích đất này.

Đến năm 2004, ông T tiến hành kê khai và được giao đất theo Quyết định giao đất số 2316/QĐ-UB ngày 30/9/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Quế S tại thửa số 19,20; tờ bản đồ số 29, diện tích 173.000 m²; thời hạn sử dụng đến tháng 9/2054 (*có sơ đồ giao đất lâm nghiệp số 245a, 245b kèm theo, sơ đồ được xác định theo hệ tọa độ UTM 49*) bao gồm cả phần đất ở hai vị trí A và vị trí B nêu trên.

Đến năm 2013-2014, ông H yêu cầu ông T trả lại phần diện tích đất đã mượn, sau đó ông T đã trả cho ông H khoảng 10 sào đất (*phần diện tích đất nằm ở vị trí A*); ông H tiến hành trồng cây keo lá tràm và nhiều lần yêu cầu ông T trả thêm phần diện tích đất ở vị trí B (*khoảng 2 sào*) thì ông T không thống nhất, vì ông T cho rằng phần đất ông H yêu cầu trả không thuộc phần diện tích đất mà trước đây ông T mượn. Do vậy, sau khi khai thác keo xong, ông T trồng lại lúa keo khác, không đồng ý trả lại phần đất khoảng 02 sào cho ông H.

Vào ngày 03/10/2020, bị cáo Võ Văn T đang khai thác cây keo lá tràm của ông H trồng trên diện tích đất ở vị trí A. Do bức tức việc ông T không trả lại phần diện tích đất đã mượn ở vị trí B cho cha mình là ông H nên bị cáo T tự ý dùng rựa chặt phá toàn bộ 450 cây keo lá tràm do ông T trồng được 01 năm tuổi, đường kính 1,2 cm trên diện tích đất nằm ở vị trí B, mục đích để ông T trả đất lại cho ông H.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản vụ việc ngày 22/01/2021 xác định: số cây keo lá tràm Võ Văn T chặt phá của ông T trồng (*tại vị trí B*) thuộc Hố Lùng, thôn T, xã Quế P là 450 cây trên diện tích 1.248 m² (*có trích đo địa chính kèm theo, trích đo được xác định theo hệ tọa độ VN2000*).

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện Quế S, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 02/02/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Quế S kết luận: 450 cây keo lá tràm có đường kính 1,2 cm, trồng vào tháng 5 năm 2019 có giá trị 8.100.000 (*Tám triệu một trăm ngàn*) đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (*một*) lưỡi rựa bằng kim loại màu đen, có chiều dài 35 cm, phần bản rộng nhất là 04 cm, dày 0,3 cm (*phần cán rựa sau khi chặt phá cây keo lá tràm của ông T đã bị gãy, rơi mất, bị cáo T không rõ là rơi ở đâu*).

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSQS ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế S, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế S, tỉnh Q vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”; căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Võ Văn T mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Võ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) lưỡi rựa bằng kim loại màu đen, có chiều dài 35 cm, phần bản rộng nhất là 04 cm, dày 0,3 cm.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản Cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế S, tỉnh Q. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế S, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 03/10/2020, bị cáo Võ Văn T có hành vi dùng rựa chặt phá 450 cây keo lá tràm của ông Lê Công T và bà Âu Thị B trồng được 01 năm tuổi, có đường kính 1,2 cm tại Hố Lùng, thôn T, xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q gây thiệt hại tài sản trị giá 8.100.000 (*Tám triệu một trăm ngàn*) đồng.

Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Văn T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản Cáo trạng số 25/CT-VKSQS ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế S, tỉnh Q và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo nhận thức được hành vi hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một

mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo Võ Văn T có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng mà để cho bị cáo có cơ hội cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của gia đình và địa phương.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, đến nay bị cáo Võ Văn T đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) lưỡi rựa bằng kim loại màu đen, có chiều dài 35 cm, phần bản rộng nhất là 04 cm, dày 0,3 cm thuộc quyền sở hữu của ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T; ông H và bà T không yêu cầu nhận lại. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu, tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (16/8/2021).

Giao bị cáo Võ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Quế P, huyện Quế S, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) lưới rựa bằng kim loại màu đen, có chiều dài 35 cm, phần bản rộng nhất là 04 cm, dày 0,3 cm.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế S theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/7/2021).

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16-8-2021). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND huyện Quế S;
- Chi cục THADS huyện Quế S;
- Văn phòng Công an huyện Quế S;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quế S;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng